

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2022
“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ – TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vi Thanh Hà**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Dung** và bà **Vũ Thị Xuyên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mai Hương** - là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nhung** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 237/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/4/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Tổ 24, khu 4, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Huy B**, sinh năm: 1970; Địa chỉ: Tổ 24, khu 4, phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Huy B tự nguyện kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 24, khu 4, phường T, thành phố Uông Bí, quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc 15 năm, đến khi chị T sinh con thứ hai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm trong làm ăn kinh tế và cuộc sống hàng ngày, cả hai không

tìm được tiếng nói chung. Chị T cũng đã tìm nhiều biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, đến giữa năm 2021 cả hai đã sống ly thân, không còn quan tâm với nhau. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, có chung sống cũng không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống cả hai có với nhau 02 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng S, sinh ngày 10/9/2005 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/5/2020, khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giao các con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn anh Nguyễn Huy B:* Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng bị đơn không đến Tòa án làm việc do đó không có lời khai, cũng như quan điểm giải quyết vụ án của bị đơn.

Tại các biên bản xác minh ngày 22/02/2022 của ông Hoàng Văn T là Khu trưởng khu 4, phường T và chị Nguyễn Thị P là chị gái của anh Nguyễn Huy B (có xác nhận của UBND phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh) xác nhận quan hệ hôn nhân đúng như chị T đã trình bày, nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử;

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự:* Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng vào phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc thụ lý và giải quyết vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa các đương sự có nơi cư trú tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Huy B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Huy B kết hôn hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc, do bất đồng về quan điểm trong làm ăn kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Huy B, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về nội dung việc chị T xin ly hôn anh và nhiều lần mở phiên hòa giải để các đương sự có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh B tuy đi làm xa thỉnh thoảng mới về nhà nhưng đều được gia đình thông báo kịp thời về các văn bản tổng đạt của Tòa án nhưng anh B đều vắng mặt tại các buổi làm việc và không có ý kiến gì. Điều này thể hiện anh B đã không còn quan tâm gì đến gia đình, vợ con nữa, nên đã không đến Tòa án để trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân có được là do xuất phát từ tình cảm, sự tự nguyện của hai bên trên cơ sở tôn trọng, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc; Tuy nhiên do bất đồng về quan điểm trong làm ăn kinh tế và sinh hoạt hàng ngày, nên chị T và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cả hai sống ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, trong thời gian ly thân cả anh B chị T đều không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, HĐXX chấp nhận cho chị T được ly hôn anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Chị T và anh B có 02 con chung là Nguyễn Vũ Hoàng S, sinh ngày 10/9/2005 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/5/2020, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị T là chính đáng, phù hợp với hoàn cảnh thực tế và nguyện vọng của con chung sau ly hôn được ở với mẹ, điều này đảm bảo cho sự phát triển của các con chưa thành niên, nên Hội đồng xét xử giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Huy B.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc và giáo dục các con chung Nguyễn Vũ Hoàng S, sinh ngày 10/9/2005 và Nguyễn Huy H, sinh ngày 10/5/2020 kể từ tháng 4/2022 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Nguyễn Huy B không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp, anh B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh B.

Sau ly hôn, chị T, anh B đều có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006740 ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND TP. Uông Bí;*
- *Chi cục THADS TP. Uông Bí;*
- *UBND phường T,*
- TP. Uông Bí; T. Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu HSVA, VP.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vi Thanh Hà